TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2019
V/v tranh chấp:
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên
2. Bà Hà Thị Hải

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2019 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị H - sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Đặng Dương M - sinh năm: 1987

Địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị H trình bày: chị và anh M kết hôn ngày 13/6/2013, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh M ở xã P, huyện C. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu tiên thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh M thường xuyên đi làm ăn không quan tâm gì đến vợ con, khi ở gần nhau thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, anh M 02

lần đánh chị. Tuy đã được gia đình khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Đến 02/2019, do mâu thuẫn trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Bị đơn anh Đặng Dương M tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lê để nhận thông báo thụ lý, tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử tại Tòa án, nhưng anh M cố tính vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2019 ông Đặng Tiến L bố đẻ anh M trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mẫu thuẫn của vợ chồng chị H, anh M như lời trình bày của chị H là đúng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh M con trai ông không quan tâm đến vợ con, không chăm lo đến gia đình, không trách nhiệm gì với các con, gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh M, quan điểm của ông đại diện gia đình do mâu thuẫn của hai bên đã trầm trọng, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H, vì anh M cũng đã nhiều lần có quan điểm muốn ly hôn với chị H, nhưng chưa làm đơn. Gia đình cũng đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, gia đình cũng đã thông báo và giao cho anh M, nhưng do công việc bận nên anh M không về được.

- Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung là Đặng Phương M - sinh ngày 04/11/2013 và Đặng Minh Đ - sinh ngày 22/9/2018, hiện đang ở chị H, bố mẹ đẻ anh M vẫn hỗ trợ chị trong việc nuôi con. Ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Bố đẻ anh M là ông Đặng Tiến L có quan điểm nếu Tòa án giải quyết cho 02 bên ly hôn, ông đề nghị giao 02 chung của chị H, anh M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ chị H trong việc nuôi 02 con, còn anh M không có điều kiện nuôi con, thường xuyên thay đổi chỗ ở, thu nhập không ổn định và từ khi 02 cháu sinh ra cũng không có trách nhiệm gì.

- Về tài sản chung, công sức, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H trình bày không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Đặng Dương M; Về con chung: Giao con chung 02 con chung là Đặng Phương M - sinh ngày 04/11/2013 và Đặng Minh Đ - sinh ngày 22/9/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị H không yêu cầu; Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của anh M là ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chị H yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tống đạt hợp lệ cho đương sự, nhưng bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa, nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa, nhưng bị đơn anh M vẫn tiếp tục vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2].Về nội dụng vụ án:

Hôn nhân giữa chị H và anh M bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấp kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: Chị H, anh M Kết hôn ngày 13/6/2013, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu tiên thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh M thường xuyên đi làm ăn không quan tâm gì đến vợ con, khi ở gần nhau thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, anh M 02 lần đánh chị. Tuy đã được gia đình khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 2/2019, do mâu thuẫn trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, đại diện chính quyền địa phương xã P và bố đẻ anh M cũng có quan điểm hai bên có mâu thuẫn đã khuyên giải nhưng không được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ chị H, được ly hôn anh M. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đó trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận, tránh sự ràng

buộc không có lợi cho cả hai bên. Còn anh M tuy đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt thể hiện anh không cần mối quan hệ hôn nhân này nữa, cũng không quan tâm chăm sóc giúp đỡ chị và con chung.

- Về con chung: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân 02 con chung vẫn do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu thì không nên thay đổi môi trường sống, nên cần giao 02 con chung của hai người cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh M về có căn cứ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Đặng Dương M.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Đặng Phương M - sinh ngày 04/11/2013 và Đặng Minh Đ - sinh ngày 22/9/2018 cho chị Lưu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu;

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003343 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng